

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-ST  
Ngày: 18 - 6-2021  
V/v: Tranh chấp  
hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Á

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Cho

2. Ông Hồ Thanh Trí

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Bích V – Có mặt

Hộ khẩu thường trú: Ấp QH, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi ở hiện nay: Ấp A, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị N

Ông T ủy quyền cho bà N, bà Nga – Có mặt

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 22/10/2020)

**3. Những người làm chứng:** Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1954; Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1982; Bà Trần Thị Kim V, sinh năm 1975; Ông Lê Văn L, sinh năm 1952; Bà Trần Thị H, sinh năm 1950; Bà Lê Thị H, sinh năm 1948; Bà Lê Thị U, sinh năm 1965; Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1986. - Tất cả vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Ông Võ Văn H – Có mặt

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Huỳnh Bích V trình bày: Ngày 10/02/2016, bà có tham gia dây hội mùa mệnh giá 10.000.000đồng do ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị N làm chủ, mỗi năm khai 4 lần, có 20 thành viên, bà tham gia 01 phần. Hình thức khai hội ai bỏ thăm cao sẽ được hốt hội, thời gian giao hội là 30 ngày kể từ ngày kê thăm. Bà V cho rằng bà đóng được 18 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ 01 bà đóng 6.800.000đồng; Lần thứ 02 bà đóng 6.300.000đồng; Lần thứ 03 bà đóng 6.300.000đồng; Lần thứ 04 bà đóng 6.500.000đồng; Lần thứ 05 bà đóng 6.500.000đồng; Lần thứ 06 bà đóng 6.500.000đồng; Lần thứ 07 bà đóng 7.000.000đồng; Lần thứ 08 bà đóng 7.400.000đồng; Lần thứ 09 bà đóng 8.000.000đồng; Lần thứ 10 bà đóng 8.000.000đồng, lần thứ 11 bà đóng 8.000.000đồng, lần thứ 12 bà đóng 8.000.000đồng, lần thứ 13 bà đóng 8.000.000đồng, lần thứ 14 do ông Thành không cho bà hốt nên bà không đi khai nhưng bà vẫn đóng 8.000.000 đồng; Các lần thứ 15,16,17,18 bà không đi khai hội nhưng bà vẫn đóng mỗi lần 8.000.000 đồng.

Đến tháng 5/2020 ông T, bà N cho rằng hội mở ngày 10/02/2017, không phải mở ngày 10/02/2016 như giấy hội đã giao cho các thành viên nên giữa bà và phía ông T, bà N phát sinh mâu thuẫn, bà dừng việc chơi hội và khởi kiện ông T, bà N. Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị N phải giao trả cho bà số tiền hội đến khi mãn hội là 175.000.000đồng (đã trả đầu thảo 5.000.000đồng).

Quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị N, ông T ủy quyền cho bà N trình bày: Bà N thống nhất với phần trình bày của bà Huỳnh Bích V về số hội viên tham gia là 20 phần, thời gian khai hội mỗi năm khai 04 lần, không thống nhất lời trình bày của bà V về ngày tháng năm mở hội, mở hội ngày 10/02/2017 âm lịch. Do trong quá trình đánh máy danh sách ghi nhầm “2017” thành “2016”. Bà N, ông T đã thông báo cho các hội viên biết.

Tính đến nay, bà V chỉ đóng 14 lần hội sống. Nay bà và ông T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà V, yêu cầu bà và ông Thành phải giao trả số tiền hội đến khi mãn là 175.000.000đồng. Vì hiện tại dây hội trên đến tháng 10/2021(âm lịch) mới mãn hội, các hội viên vẫn đóng hội cho bà và ông T đầy đủ, trừ bà Vân không

đóng hui. Bà N đồng ý giao trả lại phần hui sống cho bà V đã góp 14 lần đến khi kết thúc dây hui, tức khoảng tháng 11/2021 âm lịch.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Bích V cho rằng hui đã kết thúc từ tháng 10/2020 âm lịch, chỉ còn bà chưa hót, nên bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên Tòa, bà Lê Thị N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ đồng ý trả tiền 14 lần hui sống bà V đóng tương đương số tiền 102.800.000 đồng và sẽ giao khi kết thúc dây hui, tức 10/2021 âm lịch (Tháng 11/2021 âm lịch mới giao hui), hình thức trả tiền hui theo quý như bà V đã đóng hui sống cho bà. Bà N không trả hui cho bà V nên bà không có yêu cầu đối với bà V.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người làm chứng vắng mặt nhưng xét thấy lời khai của họ đã thể hiện rõ nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt là phù hợp. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí dân sự nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/9/2020, nguyên đơn bà Huỳnh Bích V yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn T phải giao trả cho nguyên đơn số tiền hui là 175.000.000 đồng. Đến ngày 18/3/2021, nguyên đơn khởi kiện bổ sung thêm bị đơn là bà Lê Thị N, nội dung khởi kiện không thay đổi. Việc bà V khởi kiện, phía bị đơn không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Xét đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng góp hui” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng:

[2.1] Đối với những người làm chứng ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị L,

ông Lê Văn Đ, bà Trần Thị Kim V, ông Lê Văn L, bà Trần Thị H, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ut, ông Nguyễn Văn X vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai rõ ràng nên căn cứ vào Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn: Xét thấy vụ án chưa công bố chứng cứ và hòa giải nên yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là đúng quy định.

[3] Về nội dung vụ án: Giữa bà Huỳnh Bích V và ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị N có thỏa thuận hợp đồng góp hội, nội dung thỏa thuận ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị N làm chủ hội có trách nhiệm thu các phần hội do hội viên đóng và giao các phần hội đó cho hội viên được hót cho tới khi kết thúc hội. Kỳ khai hội mỗi năm khai 04 lần, người nào bỏ thăm cao nhất sẽ được hót hội. Nay bà V cho rằng đây hội đã mãn nhưng ông T, bà N không giao tiền hội cho bà nên khởi kiện bà N, ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà Huỳnh Bích Vân tham gia chơi hội được ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị N là chủ hội thừa nhận. Nên xác lập quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Việc bà V cho rằng đây hội mở ngày 10/02/2016 (âm lịch) được bà và các hội viên tham gia, bà đã đóng đầu đủ (18lần) các lần kêu hội sống (14 lần có ông T ký nhận, 04 lần ông Th không ký nhận). Phía bị đơn cho rằng đây hội mở ngày 10/02/2017 (âm lịch), không phải ngày 10/02/2016 âm lịch, việc nhầm năm “2017” thành “2016” là do trong quá trình đánh máy có sai sót, bà đã thông báo cho các hội viên biết. Tính đến nay bà V chỉ đóng được 14 lần hội sống. Nhận thấy, việc bà Vân cho rằng bà đóng hội sống được 18 lần. Qua xem xét chứng cứ bà V cung cấp, chứng cứ này không đủ cơ sở chứng minh bà đóng đủ 18 lần hội sống nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận bà V đóng 14 lần hội sống cho chủ hội.

Mặt khác, qua quá trình làm việc và lấy khai các thành viên tham gia hội cụ thể gồm: Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn Đ, bà Trần Thị Kim V, ông Lê Văn L, bà Trần Thị H, bà Lê Thị H, bà Lê Thị U, ông Nguyễn Văn X: Các thành viên đều xác nhận đây hội hai bên đang tranh chấp, các thành viên vẫn đang đóng hội và khai hội bình thường, các thành viên đều xác nhận đây hội đến tháng 10/2021(âm lịch) mới mãn hội. Lời khai của những người làm chứng trong các đây hội là khách quan, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên chấp nhận.

Đối với lời khai ông Võ Văn H: Ông H cho rằng ông là người kêu và hót hội lần đầu tiên khi mở hội, ông tham gia hội thông qua mẹ vợ ông là Trần Thị H

(ghi tên chơi hội 2 B), các lần khai hội và đóng hội đều do ông đưa tiền cho bà H đóng, ông không trực tiếp đóng hội cũng như nhận tiền hội từ chủ hội, ông cũng không xác định được hội mãn hay chưa mà phải đối chiếu với giấy hội gốc của chủ hội. Tại thời điểm lấy khai ông Võ Văn H ngày 24/02/2021 và ngày 26/3/2021, ông H xác nhận đã đóng hội chết đến ngày 20/12/2020 (âm lịch).

Xét thấy, lời khai của ông H không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, việc ông H tham gia chơi hội không được phía chủ hội bà N, ông T chấp nhận, đối chiếu với thành viên tham gia chơi hội thì không ghi tên ông H.

Ông H cho rằng mở hội ngày 10/02/2016 âm lịch thì tính đến tháng 10/2020 âm lịch sẽ kết thúc nhưng ông H vẫn gửi tiền đóng hội cho bà H đến ngày 20/12/2020 âm lịch.

Việc ông H cho rằng, ông nhận tiền hót hội từ mẹ ông (bà H) năm 2016 nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Vì bà N cho rằng khi giao tiền hót hội không có giấy tờ.

Đối với “Tờ cam kết chơi hội mùa”, 10.000.000 đồng, ngày 10/02/2016 (dòng trên), chủ hội Nguyễn Văn T, Trường Phước A, ngày 10/02/2017 (dòng dưới). Xét thấy có sự mâu thuẫn về năm mở hội. Tuy nhiên, khi Tòa án tiến hành lấy khai những thành viên tham gia hội vào ngày 27/01/2021, các hội viên đều xác nhận dây hội nêu trên vẫn còn đang hoạt động, chưa kết thúc. Điều này, chứng tỏ dây hội mùa 10.000.000 đồng, mở ngày 10/02/2017 âm lịch là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy dây hội mùa 10.000.000 đồng chưa kết thúc, phía bị đơn (chủ hội) không vi phạm nghĩa vụ về hội nên yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Bích V không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, dành quyền khởi kiện cho nguyên đơn khi dây hội kết thúc mà phía bị đơn và nguyên đơn không thỏa thuận được.

Tại phiên Tòa, bà Lê Thị N cho rằng không tràn hội cho bà Huỳnh Bích Vân nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu bà Huỳnh Bích V không được chấp nhận nên bà V phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cụ thể:  $175.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.750.000 \text{ đồng}$ .

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP Nghị định về họ, hú, biêu, phườg của Chính phủ, ngày 19/02/2019

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Bích V về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn T, bà Lê Thị N giao trả phần tiền hui 175.000.000đồng (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Bà Huỳnh Bích V có quyền khởi kiện lại vụ án, khi đây hui mùa mệnh giá 10.000.000đồng, mở ngày 10/02/2017 (âm lịch), gồm 20 thành viên, mỗi năm khai 04 lần kết thúc mà phía bị đơn và nguyên đơn không thỏa thuận được với nhau.

Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị N không tràn hui cho bà Huỳnh Bích V, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Bích V phải chịu số tiền 8.750.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng phí 4.375.000 đồng bà Huỳnh Bích V đã nộp theo biên lai thu số 0005585 ngày 07/10/2020 và chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Huỳnh Bích V đã nộp theo biên lai thu số 0007492 ngày 18/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Bà V còn phải nộp thêm số tiền 4.075.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Cho – Hồ Thanh Trí**

**Trần Thị Mỹ Á**